TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG NGOẠI NGỮ DU LỊCH

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

Hà Nội, 2022

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH 2
2.1 Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội 2
2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Đơn vị Trường Ngoại ngữ - Du lịch 4
2.3. Mục tiêu của chương trình 7
3. CHUẨN ĐẦU RA 8
4. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP 10
4.1. Thông tin tuyển sinh 10
4.2. Quy trình đào tạo 10
4.3 Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp 11
5. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY 11
6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP 12
6.1. Chuẩn bị của giảng viên 13
6.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học 13
6.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học 14
7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ 15
7.1. Quy trình đánh giá 15
7.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá 15
8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 15
8.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa 16
8.2 Nội dung chương trình 16
8.3 Ma trận các kỹ năng 20
8.4 Sơ đồ tiến trình đào tạo 25
9. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 37
10. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 47
PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH 48

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do –Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình: Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc

Năm ban hành: 2022

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (tiếng Việt):	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Tên chương trình (tiếng Anh):	Chinese Linguistics
Mã ngành:	8220204
Đơn vị cấp bằng cấp bằng:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Thời gian đào tạo:	1,5 năm/ 2,0 năm
Đơn vị giảng dạy:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Đơn vị quản lý CTĐT:	Trường Ngoại ngữ Du lịch

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Đơn vị Trường Ngoại ngữ Du lịch, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1 Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương, có truyền thống đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ kinh tế, công nhân kỹ thuật lâu đời nhất Việt Nam (tiền thân là Trường Chuyên nghiệp Hà Nội thành lập năm 1898 và Trường Chuyên nghiệp Hải Phòng thành lập năm 1913) và là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ.

2.1.1 Tầm nhìn

Trở thành đại học đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng đa năng, phát triển theo mô hình đại học thông minh; đạt chuẩn quốc tế trong một số lĩnh vực then chốt; là sự lựa chọn hàng đầu của người học, cộng đồng và doanh nghiệp.

2.1.2 Sứ mạng

Đào tạo nhân lực chất lượng cao; sáng tạo và chuyển giao tri thức, công nghệ tới xã hội và cộng đồng đáp ứng yêu cầu thời kỳ cách mạng công nghiệp, phục vụ xã hội và đất nước.

2.1.3 Mục tiêu chiến lược

Mục tiêu chung:

Trở thành đại học khoa học ứng dụng hàng đầu Việt Nam, theo mô hình tự chủ toàn diện, đi đầu trong xu thế chuyển đổi số và quản trị thông minh. Sản phẩm giáo dục đào tạo nằm trong tốp đầu Việt Nam về khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, được ghi nhận về năng lực sáng tạo và khởi nghiệp; Sản phẩm khoa học công nghệ được công nhận và ứng dụng rộng rãi trong nước, một số lĩnh vực đạt tầm khu vực và quốc tế;

Mục tiêu cụ thể từng lĩnh vực:

a. Đào tạo

Phát triển và vận hành các CTĐT đạt chuẩn quốc gia và quốc tế. Mở mới các chương trình đào tạo đại học, sau đại học đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế. Đổi mới phương thức tổ chức đào tạo, ứng dụng công nghệ giáo dục mới; Hình thành môi trường học tập mở, sáng tạo và trải nghiệm.

b. Khoa học công nghệ

Đổi mới nghiên cứu và sáng tạo theo hướng hội nhập và đa dạng các loại hình, lĩnh vực khoa học công nghệ; Đẩy mạnh hợp tác trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Triển khai có hiệu quả các hoạt động sở hữu trí tuệ và bảo hộ kết quả nghiên cứu. Gắn nghiên cứu khoa học với chuyển giao công nghệ và nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học. Nâng tỉ lệ doanh thu từ các hoạt động khoa học công nghệ trong tổng doanh thu toàn trường.

c. Hợp tác phát triển

Thiết lập mối quan hệ đa dạng, cùng có lợi với các trường đại học, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật quốc tế và tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm đào tạo và nghiên cứu. Khai thác có hiệu quả các nguồn lực thông qua các hoạt động hợp tác cùng phát triển.

d. Người học và kết nối cộng đồng

Phát triển năng lực toàn diện của người học thông qua việc hình thành môi trường học tập, sinh hoạt, rèn luyện mang tính mở, năng động và sáng tạo. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học. Mở rộng mạng lưới, khai

thác có hiệu quả đóng góp từ đội ngũ cựu người học. Nâng cao vị thế và uy tín, ảnh hưởng của nhà trường qua các hoạt động gắn kết và phục vụ cộng đồng.

e. Tài chính – cơ sở vật chất

Xây dựng hệ thống tài chính vững mạnh đảm bảo sự phát triển bền vững và tự chủ của nhà trường với nguồn thu đa dạng và ổn định; Khai thác và sử dụng nguồn tài chính hợp lý, hiệu quả. Hình thành cơ sở hạ tầng và môi trường giáo dục hiện đại, sáng tạo phù hợp với hệ sinh thái đại học thông minh; Đầu tư và khai thác hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học;

f. Quản trị nhà trường và nguồn nhân lực

Xây dựng bộ máy tổ chức tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với cơ chế tự chủ toàn diện và mô hình đại học hiện đại; Thiết lập và vận hành hệ thống quản trị nhà trường tiên tiến đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế; Phát triển nguồn nhân lực đủ về số lượng, phù hợp về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng đáp ứng các yêu cầu. Hình thành đội ngũ giảng viên, chuyên gia làm chủ và bước đầu ở vị thế dẫn dắt trong một số lĩnh vực công nghệ hiện đại, có khả năng giảng dạy và nghiên cứu trong môi trường quốc tế.

g. Đảm bảo chất lượng và chuyển đổi số

Nhà trường và các chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định quốc gia và quốc tế, từng bước nâng cao vị trí trong các bảng xếp hạng đại học; Hoàn thiện hệ thống Đại học điện tử, từng bước hình hành hệ thống Đại học thông minh.

h. Văn hóa và Thương hiệu

Phát triển văn hóa Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội trên cơ sở phát huy truyền thống, tiếp thu, sáng tạo các giá trị văn hóa trong quá trình hội nhập. Nâng cao khả năng nhận diện thương hiệu và các sản phẩm của nhà trường đối với cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động truyền thông hiện đại.

2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Đơn vị Trường Ngoại ngữ - Du lịch

2.2.1. Tầm nhìn

Trường Ngoại ngữ - Du lịch phát triển thành một trung tâm nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực hàng đầu trong lĩnh vực Ngôn ngữ/ Ngoại ngữ của Việt Nam, ngang tầm với các trường đại học uy tín trong nước, khu vực và quốc tế theo định hướng ứng dụng.

2.2.2. Sứ mạng

Sứ mạng của Trường Ngoại ngữ - Du lịch là trở thành đơn vị đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức, có đủ kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp để thực hiện được công tác biên dịch, phiên dịch, đào tạo, quản lý, tư vấn, NCKH và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Ngôn ngữ/ Ngoại ngữ.

2.2.3. Chiến lược phát triển

Trường Ngoại ngữ - Du lịch đã có những chiến lược cụ thể bao gồm:

- Phát triển chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra;
- Đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá;
- Cập nhật nội dung và học liệu;
- Nâng cao năng lực cho cán bộ và giảng viên;
- Tăng cường và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và học tập;
- Xây dựng và cải thiện môi trường học tập, giảng dạy;
- Gắn kết hoạt động đào tạo với nhu cầu của xã hội.

2.2.3.1. Công tác chính trị tư tưởng

Để đảm bảo chất lượng đào tạo được phát triển toàn diện, Trường Ngoại ngữ - Du lịch cần triển khai những chính sách và hoạt động cụ thể. Đầu tiên là công tác chính trị, tư tưởng, truyền thông và cải cách hành chính. Được sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Đảng bộ Trường Ngoại ngữ - Du lịch, cán bộ viên chức cũng như học viên của đơn vị luôn quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của ngành Giáo dục và Đào tạo; phát huy quyền làm chủ của cán bộ viên chức, học viên, gắn liền với sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng. Toàn thể cán bộ đoàn kết, đồng lòng với các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như Nhà trường, góp phần xây dựng Nhà trường ngày càng vững mạnh.

2.2.3.2. Công tác học viên

Trường Ngoại ngữ - Du lịch đã xây dựng kênh liên lạc thường xuyên giữa học viên và cố vấn học tập, trưởng ngành và trợ lý khoa về các vấn đề liên quan đến học tập, rèn luyện, sinh hoạt, quyền và nghĩa vụ của học viên. Trường Ngoại ngữ - Du lịch nắm bắt thông tin và giải quyết kịp thời những kiến nghị, đề xuất của học viên.

2.2.3.3. Đội ngũ giảng viên

Trường Ngoại ngữ - Du lịch có chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ được đào tạo ở trong và ngoài nước. Cụ thể, mục tiêu đến năm 2025 có 05 giảng viên có học hàm PGS, 20 giảng viên trình độ tiến sĩ, còn lại đạt trình độ thạc sĩ.

Để đội ngũ giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn và đổi mới phương pháp giảng dạy, Trường Ngoại ngữ - Du lịch sẽ xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm qua các khóa bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy hiện đại do chuyên gia có uy tín trong và ngoài nước giảng dạy.

Ban Giám hiệu Trường Ngoại ngữ - Du lịch luôn khuyến khích, động viên đội ngũ giảng viên Trường Ngoại ngữ - Du lịch nâng cao tinh thần không ngừng tự học, tự bồi dưỡng thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, các buổi hội thảo, hội giảng các cấp hàng năm.

2.2.3.4. Chương trình đào tạo

Trường Ngoại ngữ - Du lịch xây dựng, cập nhật và điều chỉnh Chương trình đào tạo thường xuyên cho phù hợp với xu thế chung, nội dung giảng dạy được thiết kế đa dạng, phong phú, mang tính ứng dụng cao và theo định hướng nghề nghiệp. Chương trình đào tạo ngoại ngữ không chuyên bám sát định hướng chuẩn đầu ra; nội dung giảng dạy cho học viên chuyên ngữ được điều chỉnh linh hoạt để có thể phù hợp với xu hướng giáo dục hiện đại. Ngoài ra, Trường Ngoại ngữ - Du lịch đã, đang và sẽ xây dựng các kế hoạch phối hợp với tổ chức Hội Đồng Anh (British Council), Văn phòng Tiếng Anh khu vực (RELO Vietnam), Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Hội nghiên cứu và giảng dạy phân hội giảng dạy tiếng Trung Quốc (VietTESOL) v.v.. mở nhiều khóa bồi dưỡng về phát triển chương trình đào tạo, xây dựng học liệu cho cán bộ giảng viên ngoại ngữ.

2.2.3.5. Nghiên cứu khoa học & hợp tác quốc tế

Công tác nghiên cứu khoa học, xuất bản và hợp tác quốc tế cũng là một trong những ưu tiên trọng điểm của Khoa kể từ khi thành lập. Với chức năng nhiệm vụ là đào tạo và nghiên cứu khoa học, lãnh đạo đơn vị luôn quan tâm chỉ đạo cán bộ đầu tư thời gian và công sức NCKH để nâng cao trình độ, cải tiến phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo. Đặc biệt là những hoạt động chuyên môn liên quan đến Đề án Ngoại ngữ Quốc gia. Giai đoạn 2021-2025, Trường Ngoại ngữ - Du lịch dự kiến tổ chức các chương trình hội thảo, khóa bồi dưỡng nâng cao với sự tham gia của

những học giả uy tín từ các trường Đại học hàng đầu trong và ngoài nước như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Kinh tế - Tài chính Thượng Hải, Đại học Queensland (Úc), Đại học Flinders (Úc), Đại học RMIT Australia, Đại học bang Georgia (Mỹ), Đại học Reading (Anh), Đại học Victoria (New Zeadland) v.v...

Về hợp tác quốc tế, Trường Ngoại ngữ - Du lịch tiếp tục phát triển chương trình liên kết quốc tế với Trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Quảng Tây – Trung Quốc. Ngoài ra, Trường Ngoại ngữ - Du lịch đã, đang và sẽ tiếp tục xây dựng mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức, đơn vị đào tạo lớn trên thế giới như Hội Đồng Anh, Đại sứ quán Mỹ, văn phòng tiếng Anh khu vực RELO, Hội nghiên cứu và giảng dạy tiếng Anh VietTESOL v.v…

2.2.3.6. Cơ sở vật chất

Một nhiệm vụ quan trọng khác trong việc đảm bảo chất lượng của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội và Trường Ngoại ngữ - Du lịch là tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị và đời sống. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và chuyên môn nghiệp vụ do Nhà trường phân bổ. Thiết bị máy móc tại phòng học chuyên môn, phòng lab và các thiết bị tại văn phòng luôn được bảo trì, kiểm tra định kỳ bởi cán bộ chuyên trách. Phấn đấu đến năm 2020 có thêmnhiều phòng làm việc đặt tại tầng 3 và 4 nhà A2. Các phòng làm việc sẽ được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác chuyên môn, quản lý: máy tính kết nối mạng internet, máy in, điều hòa, máy chiếu, máy photocopy... để phục vụ riêng cho việc giảng dạy, học tập lý thuyết và nghiên cứu cho Học viên. Tất cả các phòng học sẽ được trang thiết bị nghe nhìn hiện đại như màn hình tương tác; máy tính; hệ thống âm thanh loa, micro; bàn, ghế chuyên dụng cho việc giảng dạy và học tập tiếng Anh. Đối với tài liệu dạy học, vật dụng phục vụ cán bộ văn phòng, Trường Ngoại ngữ - Du lịch chủ trương đảm bảo phân bổ hợp lí để việc sử dụng được hiệu quả, phù hợp và không lãng phí.

2.3. Mục tiêu của chương trình

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, trình độ thạc sĩ được thiết kế với mục tiêu đào tạo như sau:

2.3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành ngôn ngữ Trung Quốc được xây dựng theo định hướng ứng dụng, nhằm đào tạo người học có kiến thức thực tế, lý thuyết và ứng dụng chuyên môn sâu rộng, tiên tiến về ngôn ngữ học Trung Quốc và các kiến thức khoa học liên ngành; am hiểu về ngôn ngữ và văn hóa các nước nói tiếng Trung Quốc,

đồng thời vận dụng sáng tạo các kiến thức được học vào công việc chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc một cách hiệu quả; có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có khả năng phát triển sự nghiệp và liên tục cải thiện chuyên môn.

Mục tiêu cụ thể

**Kiến thức:*

PEO 1: Nắm vững kiến thức chuyên sâu và các học thuyết cơ bản về ngôn ngữ học Trung Quốc.

PEO 2: Nắm vững kiến thức thực tế về dịch thuật nâng cao; thiết kế, phát triển các khoá học tiếng Trung Quốc và kiến thức chung về quản lý trong lĩnh vực ngôn ngữ tiếng Trung Quốc;

**Kỹ năng:*

PEO 3: Có kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý; kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề chuyên môn; và kỹ năng truyền đạt tri thức liên quan đến ngành ngôn ngữ Trung Quốc một cách khoa học;

PEO 4: Có kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong các hoạt động chuyên môn ngành ngôn ngữ Trung Quốc;

**Mức tự chủ và trách nhiệm:*

PEO 5: Có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc, khả năng tự nghiên cứu và đưa ra những kết luận, sáng kiến liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Học viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, trình độ Thạc sĩ đạt được những chuẩn đầu ra sau:

a) SO1: Vận dụng kiến thức vào công tác chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc

b) SO2: Vận dụng kiến thức về nghiên cứu khoa học, kiến thức chung về quản trị, quản lý, kiến thức về dịch thuật, kiến thức về thiết kế và phát triển các khóa học giảng dạy tiếng Trung Quốc vào công tác chuyên môn và nghiên cứu

c)SO3: Tổ chức, quản trị, quản lý chuyên môn và nghiên cứu khoa học; phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề chuyên môn; truyền đạt tri thức liên quan đến ngành ngôn ngữ Trung Quốc một cách khoa học.

d)SO4: Nghiên cứu phát triển và sử dụng công nghệ một cách sáng tạo trong các hoạt động chuyên môn ngành ngôn ngữ Trung Quốc và sử dụng ngoại ngữ tiếng Trung Quốc thành thạo.

e)SO5: Thể hiện sự thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; chủ động đưa ra những sáng kiến quan trọng và những kết luận mang tính chuyên gia, đánh giá và cải tiến chất lượng công việc chuyên môn.

Bảng 1. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình

Mã SO	Nội dung chuẩn đầu ra	PEO 1	PEO 2	PEO 3	PEO 4	PEO 5
SO 1	Vận dụng kiến thức vào công tác chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc	X				
SO 2	Vận dụng kiến thức về nghiên cứu khoa học, kiến thức chung về quản trị, quản lý, kiến thức về dịch thuật, kiến thức về thiết kế và phát triển các khóa học giảng dạy tiếng Trung Quốc vào công tác chuyên môn và nghiên cứu		x			
SO 3	Tổ chức, quản trị, quản lý chuyên môn và nghiên cứu khoa học; phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề chuyên môn; truyền đạt tri thức liên quan đến ngành ngôn ngữ Trung Quốc một cách khoa học.			x		
SO 4	Nghiên cứu phát triển và sử dụng công nghệ một cách sáng tạo trong các hoạt động chuyên môn và sử dụng tiếng Trung Quốc thành thạo				x	
SO5	Thể hiện sự thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; chủ động đưa ra những sáng kiến quan trọng và những kết luận mang tính chuyên gia, đánh giá và cải tiến chất lượng công việc chuyên môn					x

Chuẩn đầu ra đóng vai trò quan trọng cho việc phát triển và đánh giá chương trình đào tạo. Các chỉ báo đánh giá của từng chuẩn đầu ra được dùng làm tham chiếu để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình.

4. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

4.1. Thông tin tuyển sinh

- Quy chế tuyển sinh:

Theo quy chế tuyển sinh thạc sĩ của Bộ GD&ĐT, quy chế tuyển sinh thạc sĩ của trường ĐHCNHN cập nhật tại ***https://cps.haui.edu.vn/vn.***

- Đối tượng tuyển sinh:

Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp;

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- Phương thức tuyển sinh:

Phương thức tuyển sinh cho từng năm tuyển sinh do Trường quyết định, bao gồm xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

4.2. Quy trình đào tạo

- Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để học viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

- Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng gồm 60 tín chỉ đối với người có trình độ thuộc ngành phù hợp.

- Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo.

- Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ, đối với hình thức đào tạo chính quy là 1,5 năm (18 tháng) tính từ thời điểm công nhận học viên, gồm 03 học kỳ; đối với hình

thức đào tạo vừa làm vừa học là 2,0 năm (24 tháng) tính từ thời điểm công nhận học viên, gồm 04 học kỳ.

- Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học được quy định trong Quy chế này và không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

4.3 Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp

Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp như sau:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án tốt nghiệp đạt yêu cầu;

Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục & Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Nhà trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

5. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

Trường Ngoại ngữ - Du lịch có 07 Khoa đào tạo chuyên môn: Khoa , Khoa Ngôn ngữ Trung Quốc, Khoa Ngôn ngữ Nhật Bản, Khoa Ngôn ngữ Hàn Quốc, Khoa Tiếng Việt & Văn hóa Việt Nam, Khoa Du lịch và Khoa Quản trị nhà hàng – khách sạn; 2 Phòng hành chính: Phòng Tổng hợp; Phòng Đào tạo, khoa học công nghệ và công tác sinh viên; 2 Trung tâm hỗ trợ và dịch vụ: Trung tâm đào tạo bồi dưỡng và hợp tác phát triển; Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng. Hiện nay Khoa tham gia trực tiếp đào tạo là Khoa Ngôn ngữ Trung Quốc có hơn 30 cán bộ, giảng viên, trong đó có 01 Phó giáo sư và 05 tiến sĩ, 20 thạc sĩ và 03 cử nhân đại học. Độ tuổi bình quân của cán bộ, giảng viên là 32 tuổi.

Bảng 2. Thống kê đội ngũ giảng viên của Đơn vị Khoa (Trường Ngoại ngữ - Du lịch) năm 2022

STT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Tỷ lệ %	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Giáo sư/ Phó Giáo sư	**5**	3%	3	2	0	0	4	0	1
2	Tiến sĩ	**26**	14%	5	21	0	3	22	1	0
3	Thạc sĩ	**127**	67%	15	112	11	67	46	3	0
4	Đại học	**31**	16%	2	29	20	9	2	0	0
5	**Tổng:**	**189**	100%	25	164	31	79	74	4	1

Đơn vị Trường Ngoại ngữ - Du lịch hiện tại đang quản lý 03 phòng thí nghiệm chuyên ngành phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và học viên. Các phòng thí nghiệm và thiết bị được phân công quản lý bởi Khoa .

Bảng 3. Thống kê phòng thí nghiệm chuyên ngành

TT	Tên phòng thí nghiệm	Vị trí
1	Phòng thực hành Phiên dịch số 1	P538 - A14
2	Phòng thực hành Phiên dịch số 2	P539 - A14
3	Phòng thu âm	P306-A12

Các phòng thí nghiệm chuyên ngành được đầu tư các thiết bị và mô hình hiện đại đáp ứng nhu cầu đào tạo Trường Ngoại ngữ Du lịch.

6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của ngành thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ CTĐT, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

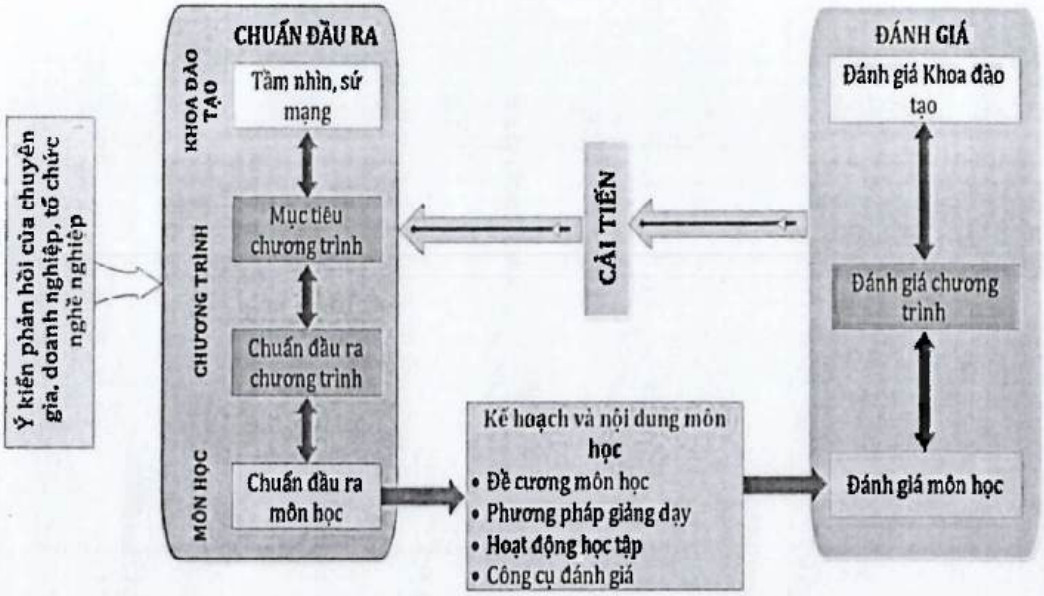

Hình 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của Đơn vị Trường Ngoại ngữ Du lịch

6.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình ngành thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc lịch cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ thông tin học phần mà mình đang giảng dạy (học phần có lý thuyết hay thực hành; học phần bắt buộc hay tự chọn);

- Nắm rõ hình thức, phương pháp dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp);

- Hiểu rõ lớp học phần (Danh sách học viên, lớp, khóa đào tạo)

- Hiểu rõ về chính sách trong học tập;

6.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;

- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;

- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.

- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng 4.

Bảng 4. Chiến lược và phát triển giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của Học viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, seminar	Thuyết giảng; Bài học; Câu hỏi gợi ý, chẩn đoán Trình diễn mẫu, Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp	Yêu cầu; Giải quyết vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các học phần cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành và thí nghiệm trong phòng thí nghiệm	Mô phỏng; Thực tế Thí nghiệm
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Học viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp	Tranh luận; Thảo luận; Giải quyết vấn đề; Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, đề án tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân; Kế hoạch nghiên cứu

6.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ tối thiểu 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan;

- Có nhiều hình thức hỗ trợ học viên trong nghiên cứu ngôn ngữ và các lĩnh vực liên quan, phù hợp với nhu cầu của xã hội trong giai đoạn hội nhập;

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của học viên về phương pháp dạy học, phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV;

- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

7.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá học viên dựa trên chuẩn đầu ra cấp học phần. Chuẩn đầu ra cấp học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra cấp CTĐT ngành thạc sĩ . Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá học viên bao gồm các hình thức đánh giá trong kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: bài kiểm tra tự luận, vấn đáp, dự án, đề án tốt nghiệp. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics môn học. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, học viên được thực hiện theo quy trình (Hình 2).

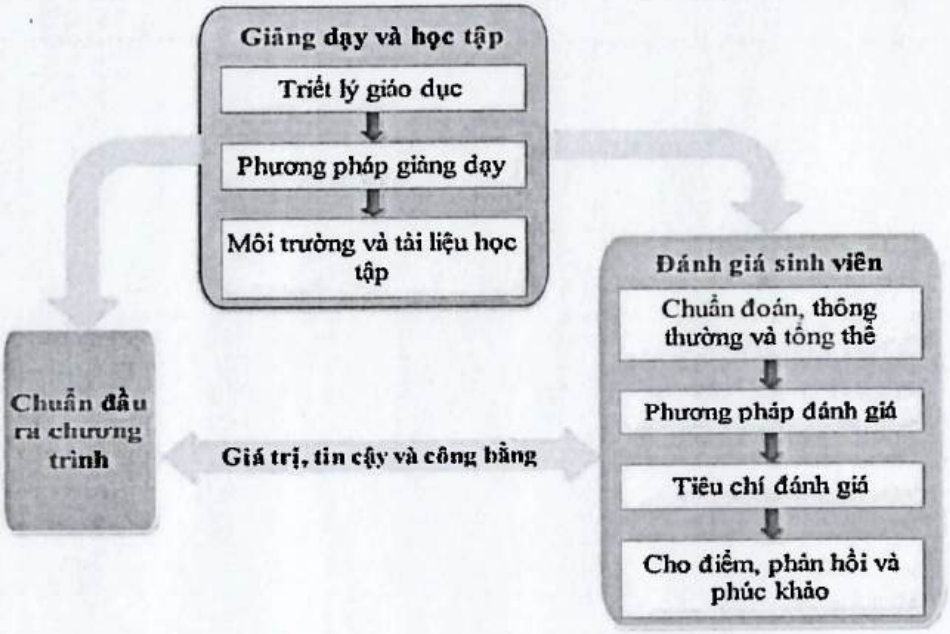

Hình 2. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá học viên

7.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các học phần từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức chung, cơ sở, chuyên ngành và tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các học phần, đồng thời giúp

người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, rèn luyện được tác phong, kỷ luật, nâng cao khả năng tự đọc, tự nghiên cứu độc lập.

8.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ

Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ			Tỷ lệ (%)
		LT	TH/TN	TL/BTL/ĐA/TT	
Kiến thức chung	7	7	0	0	11,6
Kiến thức Cơ sở ngành	9	11	0	0	16,4
Kiến thức Chuyên ngành	26	24	0	0	42
Kiến thức tốt nghiệp	18	0	0	18	30
Tổng cộng	60	42	0	18	100

8.2 Nội dung chương trình

STT	Mã học phần		Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần		
					LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐaMH/ TT
6.1	Phần chữ	Phần số	**Phần 1. Kiến thức chung**	**7**	**7**	**0**	**0**
1	LP	7202	Triết học (Philosophy)	4	4	0	0
2	FL	7032	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific Research Methods)	3	3	0	0
6.2	**Phần 2. Kiến thức Cơ sở ngành**			**9**	**9**	**0**	**0**
6.2.1	**Bắt buộc**			**5**	**5**		
1	FL	7031	Dẫn luận ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc (General Chinese Linguistics)	3	3	0	0
2	FL	7033	Ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu song ngữ Trung – Việt (Contrastive Linguistics and Chinese – Vietnamse Contrasting)	2	2	0	0

STT	Mã học phần		Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần		
					LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐaMH/ TT
6.2.2	***Tự chọn nhóm 1 (chọn 2 trong 5 học phần)***			**4**	**4**	**0**	**0**
1	FL	7034	Nghiên cứu ngôn ngữ học liên ngành tiếng Trung Quốc (Interdisciplinary Linguistics Studies (Chinese))	2	2	0	0
2	FL	7035	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Trung Quốc (Apply Linguistics (Chinese))	2	2	0	0
3	FL	7036	Ngôn ngữ học tri nhận tiếng Trung Quốc (Cognitive Linguistics (Chinese))	2	2	0	0
4	FL	7037	Tiếng Trung Quốc Khoa học công nghệ (Chinese for Science and Technology)	2	2	0	0
5	FL	7038	Văn bản học tiếng Trung Quốc (Chinese Texts Analysis)	2	2	0	0
6.3	**Phần 3. Kiến thức chuyên ngành**			**26**	**26**	**0**	**0**
6.3.1	**Bắt buộc**			**14**	**14**		
1	FL	7039	Ngữ âm học tiếng Trung Quốc (Chinese Phonetics)	3	3	0	0
2	FL	7040	Ngữ pháp học tiếng Trung	3	3	0	0

STT	Mã học phần		Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần		
					LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐaMH/ TT
			Quốc (Chinese Grammar)				
3	FL	7041	Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc (Chinese Lexicals - Semantics)	3	3	0	0
4	FL	7042	Lí thuyết dịch tiếng Trung Quốc (Translation Theory Studies)	3	3	0	0
5	FL	7043	Văn tự học tiếng Trung Quốc (Chinese Characters)	2	2	0	0
6.3.2	**Tự chọn nhóm 2 (Chọn 4 trong 8 học phần)**			**12**	**12**	0	0
1	FL	7044	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc (Pragmatics (Chinese))	3	3	0	0
2	FL	7045	Tiếp xúc ngôn ngữ Trung-Việt (Chinese - Vietnamese Language Contacting)	3	3	0	0
3	FL	7046	Ngôn ngữ truyền thông tiếng Trung Quốc (The Media Languege (Chinese))	3	3	0	0
4	FL	7047	Giao tiếp liên văn hóa tiếng Trung Quốc (Intercultural Communication (Chinese))	3	3	0	0

STT	Mã học phần		Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần		
					LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐaMH/ TT
5	FL	7048	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc (Chinese Teaching Methodology)	3	3	0	0
6	FL	7049	Kiểm tra - đánh giá trình độ tiếng Trung Quốc (Chinese Skill Testing)	3	3	0	0
7	FL	7050	Văn học Trung Quốc (Chinese Literate) (Chinese Literature)	3	3	0	0
8	FL	7051	Đất nước học Trung Quốc (Chinese National Culture)	3	3	0	0
6.4	**FL**	**7052**	**Phần 4. Thực tập**	**9**	**0**	**0**	**9**
6.5	**FL**	**7053**	**Phần 5. Đề án tốt nghiệp**	**9**	**0**	**0**	**9**
	Tổng cộng			**60**	**42**	**0**	**18**

8.3 Ma trận các kỹ năng

**Dành cho Hệ chính quy*

Mã CĐR của CTĐT	Mã Tiêu chí đánh giá	Nội dung tiêu chí đánh giá	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III
SO 1	PI 1.1	Vận dụng kiến thức lí luận vào giải quyết vấn đề trong công việc chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ.	LP (7202) (I/T)		
	PI 1.2	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học để phân tích và lý giải những hiện tượng ngôn ngữ học cụ thể.	FL7031(T,U) FL7033(T,U) FL7036(T,U) FL7045(T,U)		
	PI 1.3	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế.	FL7035(T,U) FL7044(T,U)	FL7039(T,U) FL7040(T,U) FL7041(T,U) FL7043(T,U)	
	PI 1.4	Vận dụng kiến thức về văn học, giao tiếp liên văn hoá trong thực tế và trong nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể.		FL7038(T,U) FL7047(T,U) FL7050(T,U)	
SO 2	PI 2.1	Vận dụng kiến thức về nghiên cứu khoa học để quản trị, quản lý, thực hiện nghiên cứu và báo cáo khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.	FL7032(T,U)		
	PI 2.2	Vận dụng kiến thức về lí luận dịch thuật nâng cao vào công việc phiên dịch, biên dịch và nghiên cứu dịch thuật.		FL7042(T,U)	
	PI 2.3	Vận dụng kiến thức về xu hướng, chiến lược, phương pháp và kỹ thuật dạy học và kiểm tra đánh giá vào công tác giảng dạy tiếng Trung Quốc.			FL7048(T,U) FL7049(T,U)
SO 3	PI 3.1	Xác định vấn đề cần nghiên			FL7051(T,U)

		cứu; lập kế hoạch quản lý; phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu thông tin để đưa ra các đề xuất và thực hiện báo cáo khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc			
	PI 3.2	Thiết kế và phát triển chương trình giảng dạy tiếng Trung Quốc			FL7046(T,U)
SO 4	PI 4.1	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn.	FL7037(T,U)		
	PI 4.2	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.	FL7034 (T,U)		
SO 5	PI 5.1	Thể hiện sự thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác			FL7052(T,U)
	PI 5.2	Thể hiện sự thích nghi, năng lực tự cải tiến chất lượng chuyên môn.			FL7053(T,U)

Dành cho hệ VHVL

Mã SO	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III	Học kỳ IV
SO 1	PI 1.1	Vận dụng kiến thức lí luận vào giải quyết vấn đề trong công việc chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ.	PL7202;			
	PI 1.2	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học để phân tích và lý giải những hiện tượng	FL7031; FL7033; FL7035; FL7036			

		ngôn ngữ học cụ thể.				
	PI 1.3	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế.		FL7039; FL7040; FL7041;	FL7043; FL7044	
	PI 1.4	Vận dụng kiến thức về văn học, giao tiếp liên văn hoá trong thực tế và trong nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể.		FL7038; FL7050; FL7045	FL7047	
SO 2	PI 2.1	Vận dụng kiến thức về nghiên cứu khoa học để quản trị, quản lý, thực hiện nghiên cứu và báo cáo khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.	FL7032,	FL7049	FL7048	
	PI 2.2	Vận dụng kiến thức về lí luận dịch thuật nâng cao vào công việc phiên dịch, biên dịch và nghiên cứu dịch thuật.		FL7042		
	PI 2.3	Vận dụng kiến thức về xu hướng, chiến lược, phương pháp và kỹ thuật dạy học và kiểm tra đánh giá vào công tác giảng dạy tiếng Trung Quốc.			FL7048; FL7049	

SO 3	PI 3.1	Xác định vấn đề cần nghiên cứu; lập kế hoạch quản lý; phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu thông tin để đưa ra các đề xuất và thực hiện báo cáo khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc		FL7051		
	PI 3.2	Thiết kế và phát triển chương trình giảng dạy tiếng Trung Quốc			FL7046	
SO 4	PI 4.1	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.	FL7037			
	PI 4.2	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.	FL7034			
SO 5	PI 5.1	Thể hiện sự thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác			FL7052	
	PI 5.2	Thể hiện sự thích nghi, năng lực tự cải tiến chất lượng chuyên môn.				FL7053

MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA

Mã SO	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá	Triết học	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Dẫn luận ngôn ngữ học	Ngôn ngữ học liên ngành	Ngôn ngữ tri nhận	Văn bản học	Ngôn ngữ đối chiếu và đối chiếu song ngữ	Ngôn ngữ học ứng dụng	Tiếng Trung Quốc khoa học công nghệ	Ngữ âm	Ngữ pháp	Ngữ nghĩa	Văn tự	Ngữ dụng học	Lý thuyết dịch	Lý luận và phương pháp giảng dạy	Kiểm tra đánh giá trình độ	Văn học Trung Quốc	Tiếp xúc ngôn ngữ	Giao tiếp liên văn hóa	Ngôn ngữ truyền thông	Đất nước học	Thực tập	Đề án tốt nghiệp
SO 1	PI 1.1	Vận dụng kiến thức lí luận vào giải quyết vấn đề trong công việc chuyên môn	I,T,U		T,U																					
	PI 1.2	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học để phân tích và lý giải hiện tượng ngôn ngữ học cụ thể.			T,U	T,U	T,U		T,U												T,U		T,U			
	PI 1.3	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế.								T,U		T,U	T,U	T,U	T,U	T,U										
	PI 1.4	Vận dụng kiến thức về văn học, giao tiếp liên văn hoá trong thực tế và trong nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể.						T,U							T,U					T,U	T,U	T,U				
SO 2	PI 2.1	Vận dụng kiến thức về nghiên cứu khoa học để quản trị, quản lý, thực hiện nghiên cứu và báo cáo khoa học		T,U			T,U		T,U		T,U											T,U				
	PI 2.2	Vận dụng kiến thức về lí luận dịch thuật nâng cao vào công việc phiên dịch, biên dịch và nghiên cứu dịch thuật.															T,U									
	PI 2.3	Vận dụng kiến thức về xu hướng, chiến lược, phương pháp và kỹ thuật dạy học và kiểm tra đánh giá vào công tác giảng dạy tiếng Trung Quốc.																T,U	T,U							
SO 3	PI 3.1	Xác định vấn đề cần nghiên cứu, phân tích hiện tượng ngôn ngữ						T,U												T,U				T,U		
	PI 3.2	Thiết kế và phát triển chương trình giảng dạy tiếng Trung Quốc										T,U	T,U	T,U												
SO 4	PI 4.1	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn.								T,U	T,U					T,U	T,U						T,U			
	PI 4.2	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.				T,U													T,U					T,U		
SO 5	PI 5.1	Thể hiện sự thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác																T,U							T,U	T,U
	PI 5.2	Thể hiện sự thích nghi, năng lực tự cải tiến chất lượng chuyên môn.		T,U																					T,U	T,U

8.4 Sơ đồ tiến trình đào tạo

Bảng 2. Kế hoạch đào tạo toàn khóa

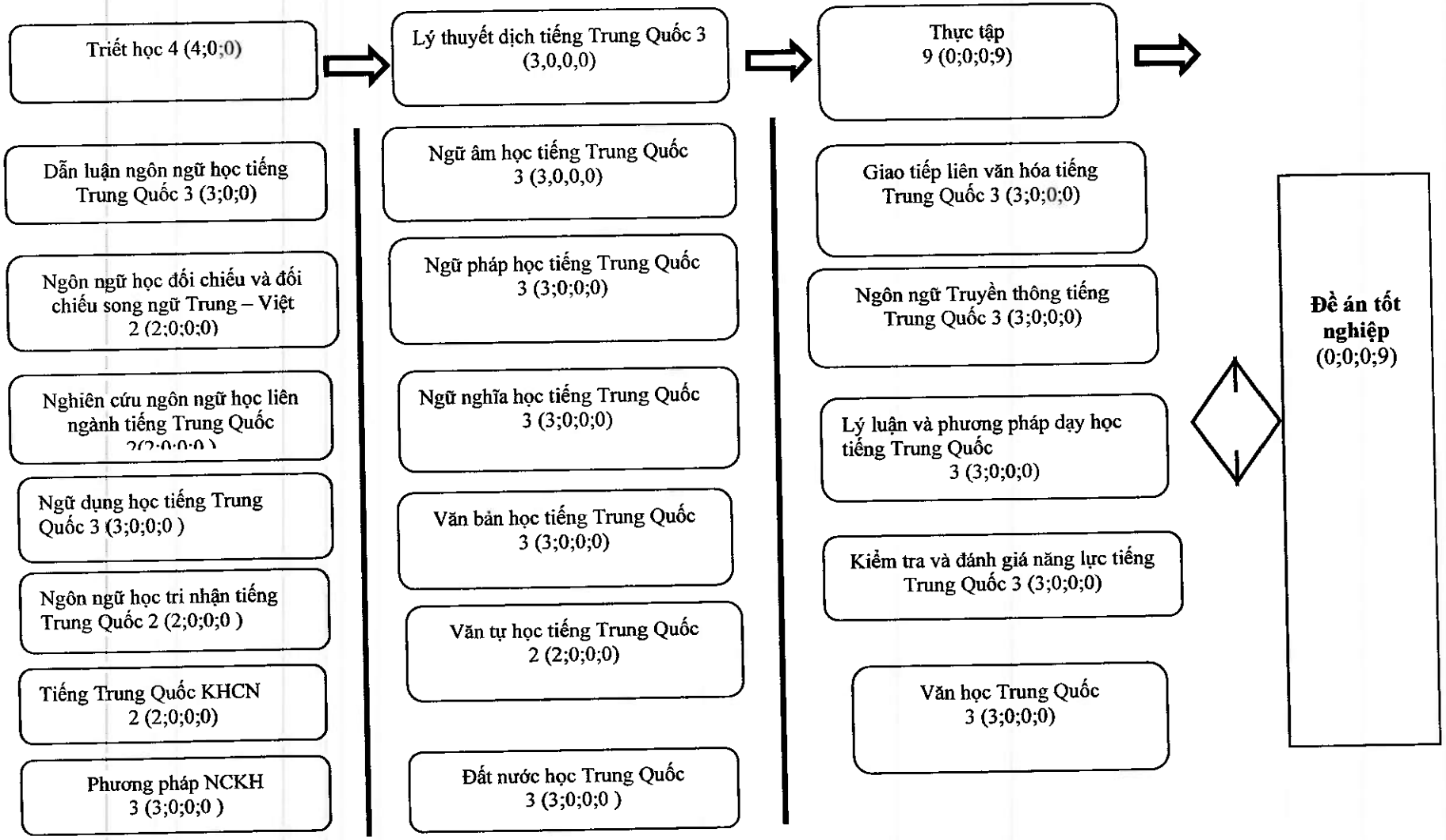

9

8.5 Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng học phần

8.5.1. HỌC PHẦN : Dẫn luận ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc

Mã học phần : FL7031

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần "Dẫn luận ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc" cung cấp cho học viên cao học Ngôn ngữ Trung Quốc những kiến thức cơ bản về lý luận ngôn ngữ và các cấp độ nghiên cứu ngôn ngữ như: ngữ âm học, ngữ pháp học, ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, đa ngữ và thụ đắc ngôn ngữ. Các kiến thức này trang bị cho học viên các kĩ năng và phương pháp phân tích, mô tả, cấu trúc và chức năng của các ngôn ngữ nói chung và của tiếng Trung Quốc nói riêng để vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, học tập tiếng Trung Quốc, bản ngữ và các ngôn ngữ khác .

8.5.2. HỌC PHẦN : Nghiên cứu ngôn ngữ học liên ngành tiếng Trung Quốc

Mã học phần : FL7034

Số tín chỉ: 2(2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần nghiên cứu ngôn ngữ học liên ngành (tiếng Trung Quốc) cung cấp cho học viên cao học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc những kiến thức và cách tiếp cận về một hướng nghiên cứu mới của ngôn ngữ học: cùng với việc nghiên cứu chuyên ngành, ngôn ngữ học được tiếp cận từ đa ngành, tức là sự tiếp cận ngôn ngữ học có sự kết hợp với các ngành khoa học khác; coi các nhân tố ngoài ngôn ngữ như một lực lượng tác động vào ngôn ngữ, nhờ đó, làm sáng tỏ những nội dung khoa học cũng như sự vận động của ngôn ngữ. Kết thúc học phần, học viên có được các kĩ năng và phương pháp nghiên cứu liên ngành đối với ngôn ngữ học nói chung và của tiếng Trung Quốc nói riêng để vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, học tập tiếng Trung Quốc, bản ngữ và các ngôn ngữ khác.

8.5.3. HỌC PHẦN : Ngôn ngữ học Tri nhận tiếng Trung Quốc

Mã học phần : FL7036

Số tín: 2(2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần Ngôn ngữ học tri nhận tiếng Trung Quốc cung cấp cho học viên cao học Ngôn ngữ Trung Quốc những kiến thức và cách tiếp cận về ngôn ngữ học tri nhận:

như khái quát ngôn ngữ học tri nhận, một số khái niệm cơ bản, các quan điểm cơ bản của ngôn ngữ học tri nhận, các nguyên lí của ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ hoán dụ tri nhận, tính giống nhau, tri nhận phạm trù không gian, ứng dụng ngôn ngữ tri nhận.Từ đó, học viên có thể vận dụng những kiến thức ngôn ngữ học tri nhận vào việc tìm hiểu và giải thích những hiện tượng có liên quan phương thức tri nhận của tiếng Hán, tiếng Việt và các ngôn ngữ khác.

8.5.4. HỌC PHẦN : Văn bản học tiếng Trung Quốc

Mã học phần : FL7038

Số tín chỉ: 2(2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần sẽ cung cấp chuyên sâu các kiến thức ngôn ngữ học về văn bản như đặc điểm của văn bản, tính liên kết cũng như các phương thức liên kết văn bản, phân tích văn bản. Qua đó, học viên có thể vận dụng kiến thức vào tiếp thu, xây dựng văn bản, vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, học tập tiếng Hán, bản ngữ và các ngôn ngữ khác.

8.5.5. HỌC PHẦN : Phương pháp nghiên cứu khoa học

Mã học phần : FL7032

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp các kiến thức và kỹ năng căn bản về phương pháp nghiên cứu (lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng hoặc giảng dạy ngôn ngữ) về khoa học và nghiên cứu khoa học, giới thiệu về các trường ngôn ngữ và nghiên cứu ngôn ngữ, giới thiệu về luận văn học thuật và phương pháp viết của họ, chọn chủ đề luận văn học thuật của sinh viên ý nghĩa, mục đích, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, quy trình và thiết kế của đề tài nghiên cứu, giới thiệu sơ lược về phương pháp nghiên cứu khoa học để viết một tiểu luận liên quan đến trong phạm vi học phần vào trong thực tế.Học phần cũng trang bị cho học viên các kỹ năng tìm kiếm, đánh giá và chọn lựa thông tin giúp học viên hình thành tư duy phê phán và lập luận biện chứng.

8.5.6. HỌC PHẦN : Ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu song ngữ Trung – Việt

Mã học phần : FL7033

Số tín chỉ: 2(2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần này cung cấp các kiến thức vấn đề về lý luận, phương pháp nghiên cứu, sự phát triển của ngôn ngữ học đối chiếu và các kiến thức tổng quan về đối chiếu ngôn ngữ, đối chiếu song ngữ Trung – Việt một cách hệ thống. Thông qua các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể, những phương pháp phân tích đối chiếu ngôn ngữ cơ bản và những nội dung chủ yếu trong đối chiếu ngôn ngữ Trung–Việt, sẽ gợi mở hướng phân tích đối chiếu Trung-Việt tiếp theo. Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học đối chiếu để nghiên cứu chuyên sâu và ứng dụng lý giải về sự tương đồng và khác biệt của các hiện tượng ngôn ngữ và song ngữ Trung – Việt trong thực tiễn.

8.5.7. HỌC PHẦN : Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Trung Quốc

Mã học phần : FL7035

Số tín chỉ: 2(2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần này cung cấp các kiến thức cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản, để giải quyết nhiệm vụ của mỗi ngành, sử dụng phương pháp của những ngành khoa học khác nhau: vật lí học (trong lĩnh vực âm học, lí thuyết dao động điện từ, quang học), tin học, xã hội học, y học, luật học v.v… Là một ngành khoa học ứng dụng, ngôn ngữ học ứng dụng phải giải quyết các nhiệm vụ có tính xây dựng và đưa chúng vào thực tế xã hội. Đồng thời, học phần cũng định hướng cho học viên thực hành các kỹ năng đó trong thực tế sử dụng tiếng Việt và tiếng Trung Quốc để thực hiện trong một lĩnh vực cụ thể.

8.5.8. HỌC PHẦN : Tiếng Trung Quốc Khoa học công nghệ

Mã học phần : FL7037

Số tín chỉ: 2(2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần sẽ cung cấp chuyên sâu các kiến thức chuyên ngành về từ vựng và các thuật ngữ tiếng Trung Quốc thuộc các lĩnh vực dệt may, thiết kế thời trang, điện- điện tử, công nghệ thông tin, vật lý, công nghệ sinh học, hóa chất, cơ khí tự động hóa. Sau

khi học xong học phần này, học viên có thể nắm rõ và vận dụng kiến thức ngôn ngữ vào công việc cụ thể trong thực tiễn.

8.5.9. HỌC PHẦN : Ngữ âm học tiếng Trung Quốc

Mã học phần : FL7039

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp kiến thức ngữ âm học tiếng Trung Quốc về sự hình thành của ngữ âm, nguyên âm, phụ âm, âm tiết và cấu tạo âm tiết,thanh điệu,biến âm,vần luật, ngữ âm học và âm vị học, phân tích và thảo luận hệ thống âm vị tiếng Trung quốc phổ thông và quan hệ phương án phiên âm tiếng Trung quốc và âm vị tiếng Trung quốc phổ thông, rèn luyện các kĩ năng phân tích, tổng hợp thông tin và tạo tiền đề cho học viên vận dụng linh hoạt vào giao tiếp, nghiên cứu. Qua đó nâng cao kiến thức về ngữ âm học tiếng Trung Quốc cho học viên, thuyết trình một số chuyên đề về ngữ âm tiếng Trung hiện đại hoặc một số thành quả nghiên cứu ngữ âm tiếng Trung mới. Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức về ngữ âm học tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế.

8.5.10. HỌC PHẦN : Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc

Mã học phần : FL7040

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức tổng quan về ngữ pháp học tiếng Trung Quốc hiện đại, những phương pháp phân tích ngữ pháp cơ bản để giúp học viên có thể lí giải được các hiện tượng ngữ pháp một cách khoa học. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về các trường phái nghiên cứu ngữ pháp và ứng dụng của việc nghiên cứu ngữ pháp tiếng Trung trong thực tiễn. Học phần cũng giúp học viên rèn luyện kĩ năng đọc hiểu kiến thức chuyên sâu về ngữ pháp học tiếng Trung, thuyết trình một số chuyên đề về ngữ pháp tiếng Trung hiện đại hoặc một số thành quả nghiên cứu ngữ pháp tiếng Trung mới. Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức về ngữ pháp học tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế.

8.5.11. HỌC PHẦN : Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc

Mã học phần : FL7041

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp các kiến thức vấn đề về lý luận, phương pháp nghiên cứu, sự phát triển của ngữ nghĩa học sau nhưng năm 60 của thế kỷ 20 trên thế giới và ở Trung Quốc. Đối tượng nghiên cứu của học phần chủ yếu là ngữ nghĩa tiếng Trung Quốc hiện đại, tuy nhiên cũng chú ý đến cả tiếng Trung Quốc cổ đại, chỉ rõ nội dung cơ bản mà ngữ nghĩa truyền thống và ngữ nghĩa học hiện đại nghiên cứu. "Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc" chủ yếu đi sâu nghiên cứu nghĩa của từ, cấu trúc nghĩa của từ, hệ thống nghĩa từ vựng (trường từ vựng), cấu trúc ngữ nghĩa của câu, diễn biến của ngữ nghĩa. Học phần coi trọng những thành tựu của ngữ nghĩa học truyền thống, tiếp thu những yếu tố có giá trị của ngữ nghĩa học hiện đại. Đặc biệt là xuất phát từ tập trung nghiên cứu đặc điểm của tiếng Trung Quốc nhằm giải quyết những vấn đề thiết thực được đặt ra trong ngôn ngữ hiện đại. Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức về ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng ngữ nghĩa trong thực tiễn.

8.5.12. HỌC PHẦN : Văn tự học tiếng Trung Quốc

Mã học phần : FL7043

Số tín chỉ: 2(2;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần văn tự học tiếng Trung Quốc cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan và chuyên sâu về chữ Hán và ngành văn tự học chữ Hán như: lịch sử chữ Hán, nguồn gốc,tính chất của chữ Hán;cấu tạo chữ Hán; hình dạng của chữ Hán, mối quan hệ hình, âm, ý của chữ Hán;quy luật tiến trình phát triển của chữ Hán, thông qua chữ Hán tìm hiểu về văn hóa Hán, các phương pháp và nguyên tắc nghiên cứu Hán tự. Học phần cũng giúp học viên bước đầu nắm được những phương pháp tiến hành nghiên cứu, những thay đổi trong phương pháp luận nghiên cứu, những tiến bộ trong cách nhìn nhận và giải quyết vấn đề văn tự học của các học giả.

8.5.13. HỌC PHẦN : Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc

Mã học phần : FL7044

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần này cung cấp kiến thức hệ thống về khái niệm, lí luận liên quan và nội

dung chuyên sâu của ngữ dụng học, tổng quan nghiên cứu về ngữ dụng học của một số học giả tiêu biểu trên thế giới, ở Trung Quốc và ở Việt Nam. Trên cơ sở khối kiến thức chung, học phần sẽ tập trung làm rõ các khái niệm, vấn đề chính yếu của việc nghiên cứu ngôn ngữ ở trạng thái hoạt động (hành chức) được biểu hiện qua đối tượng giao tiếp, thông tin giao tiếp, hành động ngôn ngữ, ngữ cảnh sử dụng ngôn từ, lập luận và thông tin miêu tả, nguyên tắc và cấu trúc hội thoại, ý nghĩa tường minh và hàm ẩn, cơ chế tạo hàm ngôn và phân loại tiền giả định, chỉ xuất, hệ qui chiếu, phương thức và hành động chiếu vật, biểu thức ngôn hành, hội thoại, diễn ngôn, v.v... Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức về ngữ dụng học tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng ngữ nghĩa trong thực tiễn.

8.5.14. HỌC PHẦN : Lí thuyết Dịch (tiếng Trung Quốc)

Mã học phần : FL7042

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Nội dung học phần gồm ba phần: Phần thứ nhất, nghiên cứu làm rõ khái niệm, bản chất, vị trí vai trò của hoạt động phiên dịch trong đời sống xã hội; nghiên cứu các trường phái phiên dịch, các loại hình phiên dịch. Phần thứ hai, nghiên cứu trình tự quy trình phiên dịch, các tiêu chí cơ bản của phiên dịch, các phương pháp và kỹ sảo phiên dịch. Phần thứ ba, nghiên cứu tình hình dạy dịch ở Trung Quốc và Việt Nam, mục tiêu yêu cầu của dạy học phiên dịch hiện nay; nghiên cứu nội dung và phương pháp biên soạn giáo trình dịch; nghiên cứu xây dựng phương pháp dạy dịch; nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dạy dịch. Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức vào nghiên cứu dịch thuật và lý giải các vấn đề trong thực tiễn phiên dịch.

8.5.15. HỌC PHẦN : Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc

Mã học phần : FL7048

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần gồm phần lí luận giới thiệu các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu về lý luận và phương pháp giảng dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Trung Quốc nói riêng. Giới thiệu các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ, phân tích điểm mạnh của từng phương pháp, chú trọng giới thiệu các phương pháp hiện đại. Giới thiệu mục đích và nguyên tắc của hoạt động giảng dạy tiếng Trung Quốc. Tập trung vào các vấn đề lý

luận và phương pháp liên quan đến giảng dạy các yếu tố ngôn ngữ và các kỹ năng tiếng Trung Quốc. Phần thực hành phân tích các phương pháp, các ví dụ, các giờ dạy học cụ thể gắn với giảng dạy từng yếu tố ngôn ngữ, từng kỹ năng tiếng Trung Quốc. Học viên được giao nhiệm vụ xây dựng giáo án và tập sự giảng dạy. Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức vào nghiên cứu, lý giải và dạy học tiếng Trung Quốc.

8.5.16. HỌC PHẦN : Kiểm tra - đánh giá trình độ tiếng Trung Quốc

Mã học phần : FL7049

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần:

Học phần bao gồm một số vấn đề sau: (1) Lí luận chung về kiểm tra - đánh giá (KTĐG) trình độ ngôn ngữ nói chung như: Các nguyên lý cơ bản của KTĐG trình độ ngôn ngữ (mục đích, tầm quan trọng, phương thức tiến hành, các hình thức kiểm tra đánh giá trình độ ngôn ngữ); (2) Một trong những nội dung quan trọng của học phần là vấn đề liên quan đến cơ sở lí luận và cách thức biên soạn các kiểu đề thi khác nhau trong KTĐG trình độ tiếng Trung Quốc; (3) Kiến thức cơ bản về KTĐG trình độ tiếng Trung Quốc (HSK và HSKK). Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức vào nghiên cứu, lí giải và tổ chức kiểm tra – đánh giá trình độ tiếng Trung Quốc.

8.5.17. HỌC PHẦN : Văn học Trung Quốc

Mã học phần : FL7050

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Nội dung học phần gồm ba phần. Phần thứ nhất là những khái niệm chính yếu và những đặc trưng cơ bản của văn học, vị trí và vai trò văn học trong đời sống xã hội Trung Quốc. Phần thứ hai là nội dung sơ lược về lịch sử hình thành và phát triển của văn học Trung Quốc, giới thiệu khái quát về những nghiên cứu nội dung tư tưởng và thành tựu nghệ thuật của văn học Trung Quốc qua các thời kỳ. Phần thứ ba phân tích về văn học hiện đại Trung Quốc, nghiên cứu một số hiện tượng văn học, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu. Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức vào nghiên cứu và lý giải một số vấn đề về văn học Trung Quốc, phân tích các trào lưu văn học hiện đại, bình giảng nội dung tư tưởng, đặc điểm sáng tác của một số nhà văn và tác phẩm văn học của Trung Quốc.

8.5.18. HỌC PHẦN : Tiếp xúc ngôn ngữ Trung-Việt

Mã học phần : FL7045

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần cung cấp cho học viên bức tranh tổng quát về sự tiếp xúc song ngôn ngữ Trung – Việt và quá trình tiếp xúc ngôn ngữ Trung – Việt và hệ quả của nó. Chú trọng tới tính ứng dụng và các giai đoạn tiếp xúc Trung – Việt cũng như các con đ-ường tiếp xúc để hình thành nên các đơn vị mượn Hán khác nhau trong tiếng Việt. Sau khi học xong học phần, học viên có thể phân tích du nhập của các từ Hán vào tiếng Việt và sự hoạt động của các đơn vị này trong tiếng Việt hiện đại. Đồng thời so sánh chúng với tiếng Hán hiện đại để thấy rõ tác động của các nhân tố văn hoá - xã hội đối với quá trình đồng hoá và hành chức của các đơn vị này, sẽ giúp ích cho việc nâng cao khả năng diễn đạt ngôn ngữ trong quá trình giao tiếp của bản thân.

8.5.19. HỌC PHẦN : Giao tiếp liên văn hóa (tiếng Trung Quốc)

Mã học phần : FL7047

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần cung cấp cho học viên hiểu biết sâu sắc về giao tiếp liên văn hoá trong bối cảnh toàn cầu hóa, giúp học viên có cái nhìn toàn diện, cởi mở về sự khác biệt và đa dạng giữa các nền văn hóa, cũng như trong một nền văn hóa. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng các kỹ năng cần thiết để giao tiếp liên văn hóa, chiêm nghiệm về những giá trị, bản sắc văn hóa cá nhân, và biết trân trọng những tương đồng và khác biệt văn hóa, cũng như trong giảng dạy ngôn ngữ hiệu quả trong bối cảnh liên văn hóa.

8.5.20. HỌC PHẦN : Ngôn ngữ truyền thông (tiếng Trung Quốc)

Mã học phần : FL7046

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần có nội dung cốt lõi liên quan đến lí luận về truyền thông, truyền thông xã hội, mối quan hệ giữa ngôn ngữ với truyền thông và đặc trưng của ngôn ngữ truyền thông; trình bày và phân tích về mặt lí luận cũng như thực tế vai trò và tầm quan trọng của ngôn ngữ truyền thông trong giao tiếp tiếng Trung Quốc; về lí luận, nội dung học

phần hướng tới việc gắn ngôn ngữ với nhu cầu xã hội, đặc biệt trên phương diện chức năng tác động của ngôn ngữ; về thực tiễn, khi kết thúc học phần, hướng đến việc học viên có thể áp dụng những lí luận mới về truyền thông học, ngôn ngữ học, ngôn ngữ truyền thông tiếng Trung Quốc vào việc nâng cao chất lượng thiết kế thông điệp truyền thông, mở rộng ra các không gian khác của truyền thông như nghệ thuật, phát triển cộng đồng, truyền thông thương mại và tiếp thị.

8.5.21. HỌC PHẦN : Đất nước học Trung Quốc

Mã học phần : FL7051

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về địa lý, lịch sử, kinh tế, giao lưu thương mại, khoa học kỹ thuật và những kiến thức nền tảng về văn hóa xã hội nước bản địa, rèn luyện các kĩ năng phân tích, tổng hợp thông tin và tạo tiền đề cho học viên vận dụng linh hoạt vào giao tiếp, biên phiên dịch. Qua đó nâng cao kiến thức nền cho học viên về đất nước và con người Trung Quốc.

8.5.22. HỌC PHẦN : Thực tập

Mã học phần : FL7052

Số tín chỉ: 9(0;0;0;9)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần giúp cho học viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc áp dụng được kiến thức thực hành tiếng và lý thuyết tiếng Trung Quốc đã học vào công việc thực tế tại một doanh nghiệp. Thông qua học phần sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học vào việc thực hành công tác biên phiên dịch và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp. Đồng thời giúp học viên có ý thức tích cực, chủ động trong quá trình làm việc, giúp học viên nhận thức được bối cảnh nghề nghiệp biên phiên dịch trong bối cảnh toàn cầu hóa cũng như thể hiện được ý thức tôn trọng văn hóa tổ chức, doanh nghiệp nơi thực tập, công tác, rèn luyện được các kỹ năng mềm tại doanh nghiệp nơi thực tập.

8.5.23. HỌC PHẦN : Thực tập tốt nghiệp

Mã học phần : FL7053

Số tín chỉ: 9(0;0;0;9)

Loại học phần: Bắt buộc

Đề án tốt nghiệp trang bị cho học viên kiến thức về thực hiện một công trình nghiên cứu có ý nghĩa khoa học, giá trị thực tiễn, ứng dụng cao về lĩnh vực Ngôn ngữ Trung Quốc. Học phần cũng giúp học viên phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng ứng dụng lý thuyết, kỹ năng viết và trình bày, kỹ năng bảo vệ đề tài nghiên cứu. Học viên ứng dụng kiến thức sâu rộng và tiên tiến về Ngôn ngữ tiếng Trung Quốc và phương pháp luận khoa học để tổng hợp, nghiên cứu, phân tích, phát hiện và giải quyết các vấn đề ngôn ngữ; từ đó gợi ý định hướng hoặc đề xuất giải pháp góp phần đổi mới sáng tạo, hoàn thiện vấn đề ngôn ngữ phát sinh trong thực tiễn.

9. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tiêu chí	CTĐT hiện hành của đơn vị	CTĐT tham khảo trong nước		CTĐT tham khảo quốc tế
	Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo Và Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	**Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của trường Đại học Ngoại Ngữ ĐHQG Hà Nội** https://saudaihoc.ulis.vnu.edu.vn/cac-chuong-trinh-dao-tao-thac-sy-chuyen-nganh-ngon-ngu/	**Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của trường Đại học Hà Nội** https://www.hanu.edu.vn/c/9021/Thac-si-Ngon-ngu-Trung-Quoc	**Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của trường Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh** http://hyxy.blcu.edu.cn/art/2018/9/3/art_7530_1137293.html
Mục tiêu chung	Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành ngôn ngữ Trung Quốc được xây dựng theo định hướng ứng dụng, nhằm đào tạo đội ngũ chuyên môn có kiến thức sâu rộng và tiên tiến về ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc và các kiến thức khoa học liên quan; am hiểu về ngôn ngữ và văn hóa các nước nói tiếng Trung Quốc, đồng thời vận dụng sáng tạo các kiến thức được học vào công việc chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc một cách hiệu quả.	- Chương trình hỗ trợ, chuẩn bị cho các học giả tiến hành các kỳ kiểm tra có hệ thống về chủ nghĩa đa ngôn ngữ của cá nhân và xã hội nhằm xây dựng và kiểm tra các lý thuyết về cách các hệ thống ngôn ngữ phát triển, được tiếp thu, sử dụng và giảng dạy trong bối cảnh toàn cầu. - Nhìn chung, mục đích của nghiên cứu được thực hiện trong nghiên cứu sau đại học về Ngôn ngữ học Ứng dụng sẽ làm sáng tỏ sự đa chiều của việc nghiên cứu ngôn ngữ như một phương thức tồn tại xã hội, giao tiếp và nhận thức.	Mục tiêu chung của chương trình nhằm đào tạo ra những cử nhân, kỹ sư có phẩm chất đạo đực tốt, kiến thức chuyên môn sau rộng, có khả năng biên phiên dịch, đồng tời có thể vẫn dụng kiến thức và kỹ năng của mình vào các lĩnh vực kinh tế, xã hội, công nghệ giúp đất nước phát triển.	
Mục tiêu cụ thể	-Nắm vững kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, các nguyên lý và học thuyết cơ bản về triết học và ngôn ngữ học;	- Chương trình nhằm cung cấp kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực nghiên cứu hoặc chuyên ngành cụ thể. -Phát triển năng lực nghiên cứu, phân tích dữ liệu, đưa ra giả thuyết, tiến	- Phục vụ nhu cầu của đất nước trong việc đào tạo nhân lực biết dạy tiếng Trung Quốc và nghiên cứu về ngôn ngữ học ứng dụng; - Đào tạo ra lực lượng học viên cao	- Có thể sử dụng tiếng Trung Quốc để phát triển các mối quan hệ quốc tế. Phục vụ vào công việc cần thiết trong tương lai. Có thể giảng dạy ở các cơ quan cao tầng như các cơ

	Nắm vững phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức dịch thuật nâng cao, kiến thức về thiết kế và phát triển các khoá học tiếng Trung Quốc và kiến thức chung về quản lý trong lĩnh vực ngôn ngữ tiếng Trung Quốc;	hành nghiên cứu, phân tích, đưa ra kết quả. - Chương trình cung cấp các kỹ năng liên quan đến việc làm trong ngành biên, phiên dịch và các ngành khác có liên quan.	học có hiểu biết sâu sắc về ngôn ngữ học ứng dụng và hiểu được xu hướng lấy người học làm trung tâm để có thể giảng dạy và thực hiện nghiên cứu một cách hiệu quả; - Đào tạo được các học viên cao học có khả năng thực hiện nghiên cứu và suy nghĩ có hệ thống để phát triển và tạo ra kiến thức mới trong lĩnh vực này; - Đào tạo các học viên cao học có khả năng phát triển và giải quyết các vấn đề trong giảng dạy hiệu quả, có thể áp dụng kiến thức mới vào tình huống giảng dạy; - Đào tạo các học viên cao học có khả năng đào tạo tiếp nhân sự trong lĩnh vực này.	quan đào tạo cán bộ công nhân viên chức Nhà nước
Chuẩn đầu ra	Theo Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ Quốc gia: - Xác nhận trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của chuyên ngành đào tạo; có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; có kỹ	- Học viên cao học chứng minh được khả năng phát triển lịch sử và hiện tại trong lý thuyết ngôn ngữ học ứng dụng và các tài liệu hiện tại liên quan đến một chủ đề lý thuyết cụ thể và lĩnh vực nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng. - Học viên cao học chứng minh được khả năng phát triển của các phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng; khả năng thu thập và phân tích đầy đủ dữ liệu thích hợp để giải quyết các câu hỏi nghiên cứu cụ thể. - Học viên cao học phát triển được	- Học viên cao học có sự hiểu biết có hệ thống về nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng. - Học viên cao học phân tích, đánh giá và thiết kế được chính xác nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng. - Học viên cao học trình bày được nghiên cứu một cách hiệu quả và thích hợp trong các hội nghị học thuật chất lượng cao, được chấp nhận tốt trong lĩnh vực này. - Học viên cao học viết được các bài báo nghiên cứu và bài báo học thuật chất lượng cao.	Nắm được các kỹ năng chính có thể chuyển giao, bao gồm: kỹ năng giao tiếp mạnh mẽ; khả năng thực hiện nghiên cứu độc lập và ban đầu; khả năng trình bày nghiên cứu của bạn trong nhiều bối cảnh học thuật và chuyên nghiệp.

	năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri thức mới; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.	khả năng thiết kế và thực hiện các dự án nghiên cứu độc lập, nguyên bản để nâng cao lý thuyết và kiến thức trong ngôn ngữ học ứng dụng. - Học viên cao học có khả năng báo cáo rõ ràng và hiệu quả nghiên cứu của họ ở cả hai dạng thuyết trình và viết bằng cách sử dụng các quy ước phù hợp của ngành học. - Nghiên cứu dinh có kiến thức và cam kết đối với các tiêu chuẩn chuyên môn và đạo đức của công việc học thuật và chuyên nghiệp trong ngôn ngữ học ứng dụng.	- Học viên cao học chỉ ra được những đặc điểm liên quan đến một nhà nghiên cứu chuyên nghiệp.	
2. Thời gian đào tạo	- 1.5 năm toàn thời gian	- 02 năm toàn thời gian	- 02 năm toàn thời gian	- Toàn thời gian: 02-03 năm (điều kiện phải có 01 năm học trực tiếp tại trường học)
3. Khối lượng tín chỉ toàn khóa	60 tín chỉ	- Tổng tín chỉ tích lũy là 65 tín chỉ	- Tổng tín chỉ tích lũy là 60 tín chỉ	-Tổng tín chỉ không được dưới 32 tín chỉ và trong đó có 28 tín chỉ học phần và 4 tín chỉ thực tập
Khối giáo dục đại cương	3 tín chỉ	3 tín chỉ	3 tín chỉ	5 tín chỉ
Khối giáo dục cơ sở ngành	12 tín chỉ	14 tín chỉ	12 tín chỉ	12 tín chỉ
Khối giáo dục ngành và chuyên ngành	26 tín chỉ	28 tín chỉ	39 tín chỉ	Tối thiểu 18 tín chỉ
Số học phần	20 tín chỉ	21-27 tín chỉ	18 tín chỉ	Tối thiểu 10 tín chỉ

bắt buộc				
Số học phần tự chọn	18 tín chỉ	21 tín chỉ	21 tín chỉ	Tối thiểu 10 tín chỉ
5. Luận án tốt nghiệp	09 tín chỉ	- 9 tín chỉ đối với chương trình định hướng ứng dụng (không quá 50 trang) - 15 tín chỉ đối với chương trình định hướng nghiên cứu	15 tín chỉ	20 tín chỉ
Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học	1. Yêu cầu đối với người dự tuyển a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo 2. Ngành phù hợp được nêu tại khoản 1 Điều này và tại các điều khác của Quy chế là ngành đào tạo ở trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trang bị cho	- Cử nhân Ngoại Ngữ - Học viên đạt chứng chỉ B1 trước khi bảo vệ luận văn - Bài khóa khoa học: Học viên công bố ít nhất 01 bài báo liên quan đến nội dung chính của luận văn trên các tạp chí khoa học chuyên ngành	- Các thí sinh đã tốt nghiệp cử nhân Ngôn ngữ Trung Quốc, Sư phạm tiếng Trung Quốc, Biên dịch tiếng Trung Quốc và một số ngành liên quan đến tiếng Trung Quốc * Văn bằng - Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi - Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ và đã học bổ sung kiến thức theo quy định - Văn bằng đại học do cơ sở nước ngoài cấp phải thực hiện thủ công nhận theo quy định hiện hành *Kinh nghiệm công tác chuyên môn - Có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi) trừ trường hợp có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên, ngành đúng, hoặc phù hợp với chuyên ngành dự thi * Đối tượng ưu tiên	- Yêu cầu cơ bản để nhập học là phải sử dụng tiếng Trung Quốc lưu loát và sẽ làm một bài thi tự luận, phỏng vấn - Nắm bắt chắc các tư tưởng Mác và có kỹ năng sống tốt, đạo đức tốt - Cử nhân đại học chuyên ngành hoặc các ngành học có liên quan đến tiếng Trung Quốc - Người có giấy chứng nhận tốt nghiệp ngành học chuyên ngành hoặc ngành học có liên quan đến tiếng Trung Quốc - Người nước ngoài có nhu cầu theo học chuyên ngành

	người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ của ngành tương ứng được quy định cụ thể trong chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ, cơ sở đào tạo quy định những trường hợp phải hoàn thành yêu cầu học bổ sung trước khi dự tuyển 3. Ứng viên đáp ứng yêu cầu quy định tại điều b khoản 1 điều này thì có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau: a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ, hoặc bằng tốt nghệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng. tuyển		a) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh c) Con liệt sĩ d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại điểm a) e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học	

10. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội./.

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2022

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Phạm Văn Bổng

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Hoàng Ngọc Tuệ

PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

I.Các văn bản pháp lý

- Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của BGD&ĐT 2016;

- Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13;

- Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Căn cứ Quyết định 41/QĐ-ĐHCN ngày 06/01/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

- Căn cứ Quy định kèm theo Quyết định số 351/QĐ-ĐHCN ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

II. Khung chương trình các trường đại học khác:

***CTĐT của 02 trường ĐH trong nước**

1.Trường Đại học Ngoại Ngữ ĐHQG Hà Nội

https://saudaihoc.ulis.vnu.edu.vn/cac-chuong-trinh-dao-tao-thac-sy-chuyen-nganh-ngon-ngu

2. Trường Đại học Hà Nội

https://www.hanu.edu.vn/c/9021/Thac-si-Ngon-ngu-Trung-Quoc

***CTĐT của 01 trường ĐH nước ngoài**

Trường Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh

http://hyxy.blcu.edu.cn/art/2018/9/3/art_7530_1137293.html

***Các tài liệu tham khảo khác**

1. Thông tư 23/2021/TT-BGDDT ngày 30/8/2021 quy định Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ.

(https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-23-2021-TT-BGDDT-Quy-che-tuyen-sinh-va-dao-tao-trinh-do-thac-si-486650.aspx)

2. Khung trình độ Quốc gia Việt Nam (số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016)

(https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyet-dinh-1982-QD-TTg-phe-duyet-khung-trinh-do-quoc-gia-Viet-Nam-2016-327841.aspx)

3. Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 quy định Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam.

(https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-01-2014-TT-BGDDT-Khung-nang-luc-ngoai-ngu-6-bac-Viet-Nam-220349.aspx)

4. Hướng dẫn thủ tục, quy trình cập nhật, chỉnh sửa CTĐT trình độ Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ do Trường ĐH Công nghiệp Hà nội ban hành.

(QT/7.3/ĐT/CNCTĐT ban hành ngày 15/1/2019)

5. Kế hoạch số 27/KH-ĐHCN về việc đánh giá, cải tiến CTĐT trình độ thạc sĩ năm 2022 của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.